

Bản án số: **202/2024/DS-ST**

Ngày: 23 - 12 - 2024

V/v tranh chấp: “Hợp đồng mua bán
tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI – TỈNH BẾN TRE

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Đạo
2. Ông Đặng Hoàng Mich

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lanh– Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 397/2024/TLST- DS ngày 25 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp: “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 342/2024/QĐXXST – DS ngày 02 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chung Kim H**, sinh ngày 20/6/1964 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện B, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1. Ông **Phạm Quang H**, sinh năm: 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện B, tỉnh T.

2. Ông **Trần Minh T**, sinh năm: 1995 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh T.

Tham gia tố tụng theo Hợp đồng ủy quyền đề ngày 06/8/2024.

- Bị đơn: **Võ Văn N**, sinh năm 1960 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã V, huyện B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/8/2024, bản tự khai ngày 20/11/2024, nguyên đơn bà Chung Kim H trình bày:

Năm 2009 bà có bán cho ông Võ Văn N thức ăn, thuốc thủy sản nuôi tôm. Ngày 13/3/2024 hai bên có lập giấy xác nhận công nợ, tính đến ngày 26/9/2022 ông N còn nợ số tiền chưa trả cho bà là 247.164.000 đồng. Bà đã nhiều lần đòi nợ nhưng ông N không trả.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Võ Văn N phải trả số tiền nợ thức ăn, thuốc thủy sản nuôi tôm là 247.164.000 đồng và lãi suất 10%/năm tính từ ngày 26/9/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Quang H, Trần Minh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 23/12/2024.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/11/2024, bị đơn ông Võ Văn N trình bày:

Ông thừa nhận ông có mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản của bà Chung Kim H và thừa nhận hiện nay còn nợ bà H số tiền nợ thức ăn, thuốc thủy sản nuôi tôm là 215.000.000 đồng. Ngày 13/3/2024 ông có ký giấy xác nhận công nợ và viết họ tên dưới mục bên B xác nhận số tiền nợ là 247.164.000 đồng, ông đồng ý và chấp nhận số nợ này. Ông đồng ý trả số tiền nợ gốc, không đồng ý trả tiền lãi suất. Ông Võ Văn N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 27/11/2024.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên Tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Đối với Thẩm phán phân công giải quyết án xác định đúng quan hệ tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn, bị đơn có chấp hành tốt theo Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 430, 440, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho bà Chung Kim H số tiền nợ 247.164.000 đồng và lãi suất 10%/năm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Quang H, Trần Minh T và bị đơn ông Võ Văn N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 27/11/2024, 23/12/2024, (Bút lục số 54, 62, 63). Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[2] Đơn khởi kiện nguyên đơn bà Chung Kim H chỉ khởi kiện yêu cầu một mình bị đơn ông Võ Văn N trả tiền nợ nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét theo phạm vi đơn khởi kiện và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Chung Kim H yêu cầu bị đơn ông Võ Văn N phải trả số tiền nợ 247.164.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào giấy xác nhận công nợ lập ngày 13/3/2024 (Bút lục số 14) hai bên lập và biên bản lấy lời khai ngày 17/11/2024, bị đơn ông Võ Văn N đã thừa còn nợ bà Chung Kim H số tiền nợ chưa trả là 247.164.000 đồng, phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H nên Hội đồng xét xử công nhận. Bà H không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Số tiền nợ 247.164.000 đồng đến nay ông N chưa trả cho bà H là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Bà Chung Kim H khởi kiện ông Võ Văn N phải trả số tiền nợ 247.164.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật tại Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu trả lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) từ ngày 26/9/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 23/12/2024 của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ lúc hai bên xác nhận công nợ lập ngày 13/3/2024 (Bút lục số 14) đến nay phía bị đơn ông N không có trả vốn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất phải trả là 0,83%/tháng là phù hợp. Về thời gian yêu cầu trả lãi suất, phía nguyên đơn yêu cầu tính từ ngày 26/9/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 23/12/2024 là chưa phù hợp vì hai bên không ấn định thời gian trả tiền nợ nên thời gian tính lãi tính từ ngày nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án và được thụ lý giải quyết là ngày 25/10/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 23/12/2024 là đúng quy định. Số tiền lãi suất ông Võ Văn N phải trả cho nguyên đơn bà H được tính như sau:

$247.164.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 01 \text{ tháng} 28 \text{ ngày} = 3.966.000 \text{ đồng}.$

[3] Tổng cộng tiền nợ gốc và lãi suất phải trả cho nguyên đơn là 251.130.000 đồng (Gồm tiền nợ gốc 247.164.000 đồng, tiền lãi suất 3.966.000 đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H được chấp nhận toàn bộ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn ông N phải chịu án phí số tiền là:

$251.130.000 \text{ đồng} \times 5\% = 12.556.500 \text{ đồng}$ (Mười hai triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 430, 440, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Chung Kim H đối với ông Võ Văn N về việc đòi tiền nợ mua thức ăn, thuốc thủy sản nuôi tôm.

2. Buộc ông Võ Văn N phải có nghĩa vụ trả cho bà Chung Kim H số tiền nợ 251.130.000 đồng (Hai trăm năm mươi một triệu một trăm ba mươi nghìn đồng) (Gồm tiền nợ gốc 247.164.000 đồng, tiền lãi suất 3.966.000 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Võ Văn N phải chịu 12.556.500 đồng (Mười hai triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

Bà Chung Kim H là người cao tuổi không có nộp tạm ứng án phí nên không có hoàn trả.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- (Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA)
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương